TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/4/2019
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Hoàng Long**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên toà: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Ngày **23** tháng **4** năm **2019,** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số **20**/2019/TLST–HNGĐ ngày 21/01/2019 về *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐHPT – HNGĐ ngày 12/4/2019 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh **NHA**, sinh năm 1990.
Nơi ĐKHKTT: huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.
Trú tại: huyện Gia Lâm, TP Hà Nội.

**** Bị đơn:*** Chị **NTL**, sinh năm 1992.
Nơi ĐKHKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Có mặt anh **NHA**; chị **NTL** vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại buổi hòa giải và tại phiên tòa. Nguyên đơn - anh NHA trình bày:*

Về hôn nhân: Anh NHA và chị NTL kết hôn năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 07/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh NHA tại thôn Trung Cao, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ. Theo anh NHA, quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm sống và không hợp nhau. Vợ

chồng đã ly thân từ năm 2014, anh NHA chuyển đến sống tại thôn Phù Dực, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội và chỉ thỉnh thoảng mới về nhà, từ khi ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay anh NHA nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể đoàn tụ được nên anh xin được ly hôn với chị NTL để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh NHA và chị NTL có 02 con chung là cháu NTHT, sinh ngày 17/02/2013 và cháu NTTM, sinh ngày 06/7/2015, hiện cả hai cháu đang ở cùng chị L và mẹ đẻ anh NHA. Ly hôn, anh NHA có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nếu chị L có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung thì anh cũng đồng ý vì anh không muốn các con chung phải xa nhau. Trường hợp chị L muốn nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh NHA cấp dưỡng tiền nuôi con chung thì anh đề nghị Tòa án ấn định khoản tiền cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, ngoài ra anh cũng sẽ có trách nhiệm với con chung. Về kinh tế nuôi dưỡng con chung trong thời gian vợ chồng ly thân, anh NHA vẫn thường xuyên đưa tiền cho mẹ đẻ anh để mẹ anh chi phí học hành cũng như chi phí sinh hoạt cho các con và gia đình.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Anh NHA không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai chị NTL trình bày:***

Về hôn nhân: Chị NTL và anh NHA kết hôn năm 2012 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 07/5/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn Trung Cao, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng sinh hoạt bình thường, không có mâu thuẫn gì lớn. Theo chị L, từ năm 2014 anh NHA tự ý bỏ nhà đi sống với người phụ nữ khác tại xóm Mới, thôn Phù Dực, xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Nay anh NHA xin ly hôn, quan điểm của chị L là để chị bàn bạc với gia đình rồi mới quyết định.

Về con chung: Chị L thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu NTHT, sinh ngày 17/02/2013 và cháu NTTM, sinh ngày 06/7/2015. Hiện hai con chung đang ở cùng chị L và mẹ chồng tại gia đình nhà chồng tại thôn Trung Cao, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Nếu ly hôn, chị L có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và yêu cầu anh NHA cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức: Chị NTL không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh NHA vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị NTL. Về con chung: Anh NHA tự nguyện để chị NTL nuôi cả 02 con chung là cháu NTHT và cháu NTTM. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh NHA đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung là **4.000.000** đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2019 cho đến khi

cháu NTTM tròn 18 tuổi. Bị đơn chị NTL vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn – anh NHA chấp hành đúng qui định của pháp luật; Bị đơn – chị NTL chưa chấp hành đầy đủ qui định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh NHA và cho anh NHA được ly hôn chị NTL ; *Về con chung:* Đề nghị giao 02 con chung là cháu NTHT, sinh ngày 17/02/2013 và cháu NTTM, sinh ngày 06/7/2015 cho chị NTL trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng: Anh NHA cấp dưỡng tiền nuôi con chung là **4.000.000** đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu NTTM tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị NTL hiện thường xuyên cư trú tại thôn Trung Cao, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị NTL vắng mặt và tại phiên tòa ngày 12/4/2019 chị L vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 233, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ đã Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 23/4/2019. Tại phiên tòa ngày 23/4/2019, chị L vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Tòa án xét xử vắng mặt chị L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Anh NHA và chị NTL kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 07/5/2012 nên hôn nhân giữa anh NHA và chị NTL là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo anh NHA thì giữa anh NHA và chị L có mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị L thì cho rằng cuộc sống vợ chồng bình thường nhưng thừa nhận vợ chồng không chung sống cùng nhau từ năm 2014 cho đến nay. Anh NHA xin ly hôn, chị L không có quan điểm rõ ràng là đồng ý ly hôn hay có nguyện vọng đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh NHA cương quyết xin ly hôn với chị L. Việc đoàn tụ vợ chồng cần có thiện chí từ hai phía (anh NHA và chị L), trên thực tế anh NHA và chị L đã ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai còn quan tâm đến ai, thời gian vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay chị L thừa nhận. Anh NHA và chị L ly thân đã một thời gian dài nên cần xác định mâu thuẫn giữa anh NHA và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần

chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh NHA và cho anh NHA được ly hôn chị L để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Anh NHA và chị NTL có 02 con chung là cháu NTHT, sinh ngày 17/02/2013 và cháu NTTM, sinh ngày 06/7/2015. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng với chị L và mẹ anh NHA. Ly hôn, cả anh NHA và chị L đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con chung. Tại phiên tòa, anh NHA đồng ý để chị L nuôi dưỡng cả 02 con chung theo nguyện vọng của chị L vì hai cháu đều là cháu gái và anh NHA không muốn chia rẽ con chung mỗi cháu một nơi, nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh NHA và chấp nhận nguyện vọng được nuôi con chung của chị L và giao cả 02 con chung là cháu NTHT và cháu NTTM cho chị NTL trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trách nhiệm nuôi dưỡng 02 con chung là cháu NTHT và cháu NTTM là trách nhiệm chung của anh NHA và chị NTL. Tại phiên tòa, anh NHA đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị NTL là 4.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu NTTM tròn 18 tuổi. Xét khoản tiền cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh NHA, anh NHA phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L số tiền là 4.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu NTTM tròn 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Anh NHA và chị NTL đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Anh NHA phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Anh NHA được ly hôn chị NTL.

2. Về con chung: Anh NHA và chị NTL có 02 con chung là cháu NTHT, sinh ngày 17/02/2013 và cháu NTTM, sinh ngày 06/7/2015.

Giao 02 con chung là cháu NTHT, sinh ngày 17/02/2013 và cháu NTTM, sinh ngày 06/7/2015 cho chị NTL trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh NHA có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Anh NHA phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L số tiền là 4.000.000 đồng/ tháng kể từ tháng 5/2019 cho đến khi cháu NTTM, sinh ngày 06/7/2015 tròn 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Anh NHA phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đồng án phí về phần cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Anh NHA đã nộp **300.000** đồng *(theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003779 ngày 18 tháng 01 năm 2019)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Anh NHA còn phải nộp tiếp số tiền **300.000** đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, Anh NHA có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Chị NTL có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *TAND Tp Hà Nội;*
- *VKSND huyện Chương Mỹ,*
- *CC.THADS huyện Chương Mỹ;*
- *UBND xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA/VP.*

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Hữu Trọng	**Nguyễn Thị Thanh Hà**
	Nguyễn Thị Tuyết Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN** **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**